

Xu hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài trên thế giới vào ngành năng lượng và hàm ý đối với Việt Nam¹

Nguyễn Đình Hòa^(*), Hà Thị Hồng Vân^(**),

Phạm Thị Thanh^(***)

Tóm tắt: Đầu tư trực tiếp nước ngoài trên thế giới đang có những xu hướng phát triển mới. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên toàn cầu vào ngành năng lượng đang có những biến chuyển đáng kể, đó là sự gia tăng về đầu tư và chuyển dịch từ các nguồn năng lượng truyền thống sang năng lượng tái tạo. Với tiềm năng lớn về năng lượng tái tạo, Việt Nam đang trở thành điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài, tuy nhiên đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành này vẫn khá khiêm tốn so với nhiều lĩnh vực khác. Việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành năng lượng ở Việt Nam, nhất là đối với năng lượng tái tạo, đang đối diện với không ít khó khăn, thách thức.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, Ngành năng lượng, Năng lượng tái tạo, Việt Nam

Abstract: Foreign direct investment (FDI) in the world is showing new development trends. Global FDI flows into the energy sector are experiencing significant changes, which are the increase in investment and the shift from traditional sources to renewable energy. While Vietnam is becoming an attractive destination for FDI and potential for renewable energy, foreign investors in this sector is still quite modest compared to others. Attracting FDI into the energy sector in Vietnam, especially renewable energy, is facing many difficulties and challenges that need to be resolved.

Keywords: Foreign Direct Investment, Energy, Renewable Energy, Vietnam

Ngày nhận bài: 23/12/2024; Ngày duyệt đăng: 15/7/2025

1. Mở đầu

Biến đổi khí hậu đang diễn ra với tốc độ ngày càng nhanh và nghiêm trọng, trở

thành một trong những vấn đề cấp bách toàn cầu. Các quốc gia trên thế giới đều coi trọng hội nhập, hợp tác quốc tế trong ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu. Điều này đòi hỏi các nước phải đẩy mạnh việc tìm kiếm phương án để một mặt ứng phó với biến đổi khí hậu, mặt khác vẫn đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế và các mục tiêu về phát triển bền vững.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển của các quốc gia. Trong những năm gần đây,

¹ Bài viết là sản phẩm nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Bộ “Khảo sát tác động kinh tế - xã hội của các dự án năng lượng tái tạo đối với người dân Miền Trung, Tây Nguyên”, do TS. Hà Thị Hồng Vân chủ nhiệm, Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới chủ trì, thực hiện năm 2024-2025.

(*)^{*}, (**) TS., Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: nguyendinhhoaktpt@gmail.com

(***) ThS., Viện Kinh tế Việt Nam và Thế giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

FDI trên thế giới đã có những xu hướng phát triển mới, đó là dịch chuyển từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển và các nền kinh tế mới nổi. Nhiều nước đang phát triển vẫn tiếp diễn tình trạng thiếu hụt năng lượng và ô nhiễm môi trường, do đó việc đẩy mạnh thu hút FDI vào sản xuất năng lượng ngày càng cần thiết.

2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài trên toàn cầu vào ngành năng lượng

2.1. Động thái dòng vốn FDI toàn cầu

Kể từ năm 2010 (giai đoạn sau khủng hoảng tài chính toàn cầu) đến năm 2024, dòng vốn FDI toàn cầu trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm. Trong giai đoạn 2010-2015, vốn FDI toàn cầu tăng tương đối ổn định và đạt đỉnh 2.042 tỷ USD năm 2015; trong các năm 2016-2018, dòng vốn này có xu hướng giảm từ 2.019,3 tỷ USD năm 2016 xuống còn 1.376,1 tỷ USD năm 2018 và tăng nhẹ lên 1.729,2 tỷ USD trong năm 2019. Năm 2020, dưới tác động của dịch Covid-19, vốn FDI toàn cầu đã sụt giảm đáng kể, đạt 984,6 tỷ USD, giảm gần 35,0% so với năm 2019. Lượng vốn FDI toàn cầu năm 2020 đạt mức thấp nhất kể từ những năm 1990, lần đầu tiên kể từ năm 2005 đạt dưới 1.000 tỷ USD và thấp hơn 30% so với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2009. FDI toàn cầu năm 2021 tăng 77% so với 2020, từ mức 984,6 tỷ USD lên khoảng 1.621 tỷ USD (UNCTAD, 2023). Dòng vốn FDI toàn cầu giảm nhẹ 2% giai đoạn 2022-2023 xuống còn 1.355 tỷ USD năm 2022 và 1.321 tỷ USD năm 2023, nguyên nhân của sự sụt giảm này là do lạm phát ở nhiều nơi trên thế giới và xung đột Nga-Ukraine (UNCTAD, 2024).

Đầu tư FDI toàn cầu bao gồm đầu tư các dự án đầu tư mới và gia tăng vốn vào các dự án đang hoạt động. Trong giai đoạn

2010-2023, FDI đầu tư các dự án mới có xu hướng tập trung vào các ngành cung cấp năng lượng, thông tin và truyền thông, máy tính,... Xu hướng này dường như cho thấy sự thay đổi về động cơ và mục tiêu đầu tư nước ngoài của các tập đoàn lớn trên thế giới.

2.2. Xu hướng FDI vào ngành năng lượng

Năng lượng đóng vai trò quan trọng đối với sản xuất và cuộc sống của con người. Nhu cầu sử dụng năng lượng có xu hướng gia tăng. Sản xuất và cung ứng năng lượng ngày càng gia tăng nhưng tốc độ còn thấp hơn so với nhu cầu sử dụng năng lượng, nhất là đối với điện. Nhu cầu sử dụng các loại năng lượng có xu hướng gia tăng theo thời gian, với mức tăng 3%/năm trong 20 năm qua. Theo ước tính của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (International Energy Agency - IEA), đến năm 2050, tiêu thụ năng lượng dự báo sẽ tăng gấp đôi so với mức 9.450,75 triệu tấn dầu quy đổi (TOE) của năm 2020 (IEA, 2022a).

Trước nhu cầu sử dụng năng lượng ngày càng gia tăng, dòng vốn FDI vào ngành năng lượng cũng có xu hướng gia tăng. Số vốn FDI của các dự án đầu tư mới vào ngành này tăng từ 69,9 tỷ USD năm 2010 lên mức 380,9 tỷ USD năm 2022, tăng gấp 5,5 lần chỉ sau hơn 10 năm. So với tổng FDI đầu tư mới vào toàn nền kinh tế, dòng vốn này đầu tư vào ngành năng lượng chiếm từ 2,1% năm 2010 lên 26,4% năm 2023, tương tự là số dự án đầu tư và tỷ trọng về số dự án đầu tư vào lĩnh vực năng lượng. Quy mô vốn đầu tư của mỗi dự án có sự gia tăng theo thời gian (UNCTAD, 2024).

2.3. Xu hướng FDI vào các loại năng lượng tái tạo

Nhu cầu sử dụng năng lượng có xu hướng ngày càng gia tăng, trong khi đó

năng lượng không có khả năng tái tạo đang dần cạn kiệt. Để có thể đáp ứng nhu cầu này, việc chuyển dịch từ năng lượng truyền thống sang các loại năng lượng tái tạo (NLTT) là xu thế tất yếu, nhất là năng lượng xanh, trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với nhiều vấn đề về môi trường, biến đổi khí hậu. Chuyển đổi năng lượng là một trong những chủ đề được cộng đồng quốc tế đặc biệt chú ý tại Hội nghị lần thứ 27 và 28 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (COP27 và COP28).

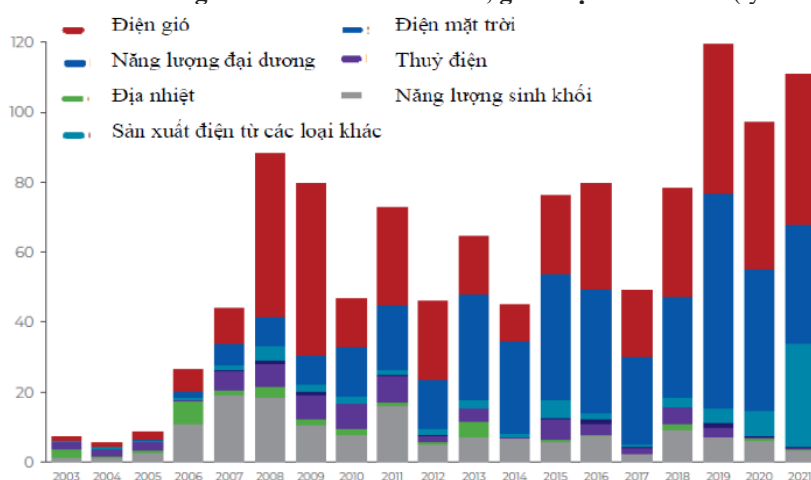
Theo ước tính của IEA, để đạt được mức phát thải ròng bằng “0” (net zero) vào năm 2050, sẽ cần tổng công suất năng lượng mới (bao gồm tất cả các loại NLTT) là 7.360 GW được xây dựng từ năm 2020 đến năm 2030. Theo đó, mức đầu tư vào NLTT để sản xuất điện khoảng 390 tỷ USD/năm từ năm 2016 đến 2022 lên 1.300 tỷ USD/năm vào năm 2030 (IEA, 2022b).

Trên toàn cầu, đầu tư vào NLTT tăng từ 44,8 tỷ USD năm 2004 lên 301,7 tỷ USD năm 2019, trong đó đạt đỉnh 331,4 tỷ USD vào năm 2017. Trong giai đoạn 2013-2021, khoảng 2,9 nghìn tỷ USD đã được đầu tư vào NLTT. Trong số này, tỷ trọng đầu tư vào từng loại năng lượng như sau: năng lượng mặt trời là 50,8%, năng lượng gió 37,4%, hydro 5,8%, sinh khối và chất thải 4,4%, nhiên liệu sinh học 1,2%, địa nhiệt 0,5%, năng lượng thủy triều 0,1% (IRENA, 2022).

Dòng vốn FDI đóng vai trò không thể thiếu trong việc tài trợ cho các dự án NLTT trên toàn cầu. Trong giai đoạn 2003-2021, vốn FDI vào NLTT thực hiện ở 5.634 dự án tại nhiều quốc gia và khu vực (IRENA, 2022). Năm 2019, các công ty nước ngoài đã tài trợ gần 40% tổng số vốn và gần 50% số dự án của các dự án sản xuất điện bằng NLTT (UNCTAD, 2020).

Trong giai đoạn 2003-2021, tổng đầu tư FDI toàn cầu vào NLTT có sự biến động và có sự chuyển dịch giữa các loại NLTT. Tổng vốn FDI tăng mạnh từ năm 2006 đến năm 2009, chủ yếu đầu tư vào năng lượng gió. Kể từ năm 2010, tổng vốn FDI có sự thay đổi, bên cạnh đầu tư vào nguồn năng lượng gió là năng lượng mặt trời (Xem: Hình 1).

Hình 1: Xu hướng FDI toàn cầu vào NLTT, giai đoạn 2003-2021 (tỷ USD)



Nguồn: <https://www.fdimarkets.com>

3. Dòng vốn đầu tư nước ngoài vào ngành năng lượng ở Việt Nam

3.1. Dòng vốn FDI vào Việt Nam

Việt Nam là một trong những nước thu hút FDI lớn nhất ở khu vực Đông Nam Á. Dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam có xu hướng gia tăng, số vốn đăng ký tăng từ 19,9 tỷ USD năm 2010 lên 39,4 tỷ USD năm 2023. Sự gia tăng này phản ánh việc

Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào kinh tế thế giới và cải thiện về môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, lượng vốn giải ngân được năm 2010 mới chỉ 11,0 tỷ USD, đến năm 2023 đạt con số 23,2 tỷ USD (Tổng cục Thống kê, 2023). Số vốn giải ngân gia tăng thể hiện sự cải thiện về năng lực hấp thụ FDI của nền kinh tế Việt Nam. Nhưng thực tế cho thấy, còn khoảng cách quá lớn giữa vốn đăng ký và vốn giải ngân. Chẳng hạn, trong năm 2023, tổng vốn FDI đăng ký đạt 39,4 tỷ USD, song vốn thực hiện chỉ đạt khoảng 23,2 tỷ USD, tương đương tỷ lệ giải ngân khoảng 63,4% (Tổng cục Thống kê, 2023). Thực trạng này có thể là do các nhà đầu tư nước ngoài “thời vốn đầu tư” nhằm hưởng các ưu đãi và/hoặc khó khăn trong việc giải ngân vốn đầu tư. Đáng chú ý là lượng vốn thực hiện bình quân mỗi dự án có xu hướng giảm, nói cách khác là “li ti hóa” các dự án đầu tư FDI.

Các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào 18 ngành trong tổng số 21 ngành kinh tế quốc dân của Việt Nam. Vốn FDI đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng nhanh từ 30,1% năm 2010 lên 64,2% năm 2023. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với hơn 25,3 tỷ USD (chiếm 64,2% vốn đăng ký); kinh doanh bất động sản đứng thứ hai (chiếm 13,5%); các ngành còn lại đều chiếm tỷ trọng dưới 5% (Tổng cục Thống kê, 2023).

Vốn FDI trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tập trung trong nhiều lĩnh vực, cho thấy sự đa dạng hóa liên tục của các ngành công nghiệp do các công ty đa quốc

gia đầu tư. Các doanh nghiệp nước ngoài thành lập cơ sở sản xuất động cơ máy bay, điện tử, quần áo, sản xuất thức ăn chăn nuôi và các sản phẩm khác. Nhiều công ty trong số này đầu tư mở rộng năng lực sản xuất để phục vụ thị trường nội địa và xuất khẩu.

3.2. FDI vào ngành năng lượng tại Việt Nam

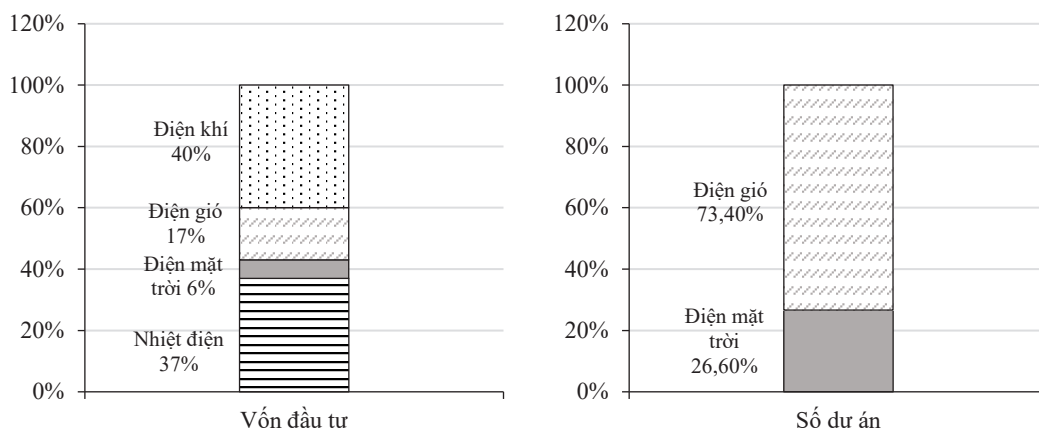
Lũy kế đến cuối năm 2023, FDI vào ngành năng lượng ở Việt Nam có 194 dự án với tổng số vốn đăng ký đạt 40,7 tỷ USD. Trong năm 2023, ngành năng lượng có 12 dự án và vốn đăng ký là 2,4 tỷ USD. Giai đoạn 2015-2023, vốn FDI đổ vào ngành năng lượng chiếm khoảng 0,56% về số dự án và 10,44% về vốn đăng ký so với toàn bộ nền kinh tế (Xem: Bảng 1). Vốn FDI đầu tư vào ngành năng lượng ở Việt Nam tập trung vào các lĩnh vực như sản xuất và phân phối điện, khí đốt.

Việt Nam là nước có nhiều tiềm năng về NLTT, nhất là năng lượng mặt trời và năng lượng gió. Với các tiềm năng, lợi thế và chính sách ưu đãi của Chính phủ, NLTT

Bảng 1. Vốn FDI đầu tư vào ngành năng lượng ở Việt Nam

Năm	Cả nền kinh tế		Năng lượng		Ngành năng lượng so với cả nền kinh tế	
	Tổng số vốn (tỷ USD)	Số dự án (dự án)	Tổng số vốn (tỷ USD)	Số dự án (dự án)	Về vốn (%)	Về dự án (%)
2015	24,1	2.120	2,8	10	0,47	11,61
2016	26,9	2.613	0,3	3	0,11	1,15
2017	37,1	2.741	8,4	13	0,47	22,57
2018	36,4	3.147	1,8	20	0,64	5,00
2019	39,0	4.028	1,0	15	0,37	2,59
2020	31,0	2.610	5,2	20	0,77	16,70
2021	38,9	1.818	8,0	24	1,32	20,56
2022	29,3	2.169	2,3	11	0,51	7,72
2023	39,4	3.314	2,4	12	0,36	6,05

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2023).

Hình 2: Đầu tư FDI vào lĩnh vực năng lượng giai đoạn 2015-2022

Nguồn: Trần Thị Thu Hà (2023).

ở Việt Nam đang trở thành lĩnh vực hấp dẫn đối với nhiều nhà đầu tư FDI.

Giai đoạn 2009-2015, Việt Nam đã thu hút được 110 dự án FDI sản xuất điện, khí đốt, trong đó có 16 dự án FDI trong lĩnh vực NLTT, với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 778 triệu USD, chiếm 14,5% về số dự án và 6% tổng số vốn đầu tư đăng ký trong ngành điện và khí đốt. Quy mô bình quân cho một dự án NLTT trên 48 triệu USD/dự án, cao hơn quy mô bình quân cho một dự án FDI (khoảng 13 triệu USD/dự án). Phần lớn các dự án FDI trong lĩnh vực NLTT ở Việt Nam được tập trung ở các tỉnh có thể sử dụng sức gió và năng lượng mặt trời như: Ninh Thuận, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng¹... Trong đó, tỉnh Ninh Thuận đứng đầu với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 224,67 triệu USD. Tiếp theo là các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng với tổng vốn đầu tư đăng ký cho các dự án năng lượng xanh lần lượt là 152 triệu USD, 120 triệu USD và 70 triệu USD (EVN, 2017).

¹ Các địa phương tính theo địa giới hành chính cũ, trước thời điểm tháng 7/2025.

Giai đoạn 2015-2022, Việt Nam nằm trong nhóm các nước đang phát triển thu hút được lượng vốn FDI vào NLTT lớn thứ hai thế giới, chỉ đứng sau Brazil (UNCTAD, 2023). Năm 2016, Việt Nam chỉ ghi nhận khoảng 1.500 dự án vào lĩnh vực NLTT, nhưng đến năm 2020 đã tăng thêm 1.000 dự án. Lượng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam ở lĩnh vực NLTT giai đoạn 2015-2022 đạt 106,8 tỷ USD. Năm 2017, vốn đăng ký đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tăng mạnh, song vốn đăng ký chủ yếu vào nhiệt điện (than) với 7,4 tỷ USD, trong đó NLTT (điện gió, điện mặt trời và NLTT khác) chỉ đạt 864 triệu USD. Đến năm 2018, vốn đăng ký vào lĩnh vực NLTT đã tăng gấp đôi so với năm 2017 (đạt 1,6 tỷ USD) và không có dự án nhiệt điện (World Bank, 2018).

Năm 2020-2021, mặc dù vốn đầu tư vào Việt Nam có suy giảm nhưng FDI đầu tư vào NLTT vẫn có sự gia tăng đáng kể. Năm 2020, lĩnh vực năng lượng thu hút khoảng 5,1 tỷ USD (chiếm 18% tổng vốn đầu tư đăng ký), trong đó: điện mặt trời đạt gần 19 triệu USD, điện gió hơn 1 tỷ USD và điện khí 4 tỷ USD. Năm 2021, tổng vốn

đăng ký vào lĩnh vực năng lượng tiếp tục tăng, đạt gần 7,6 tỷ USD (điện mặt trời 5 triệu USD, điện gió 835 triệu USD, điện khí 5,45 tỷ USD và nhiệt điện - than 1,3 tỷ USD) (UNCTAD, 2023).

Năm 2023, nhiều tập đoàn FDI từ Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản và Đan Mạch đã đề xuất rót vốn vào mảng năng lượng xanh tại Việt Nam, thị trường dẫn đầu khu vực Đông Nam Á trong lĩnh vực phát triển điện gió và điện mặt trời. Việc chuyển dịch FDI vào NLTT đang là một xu hướng quan trọng, giúp giải bài toán về môi trường và năng lượng, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Thời gian qua, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách về thu hút FDI và về phát triển năng lượng, trong đó có NLTT. Mặc dù vậy, cho đến nay vẫn còn không ít vấn đề đặt ra đối với FDI vào lĩnh vực năng lượng ở Việt Nam. Cụ thể là: (i) Thách thức từ quy hoạch và hạ tầng truyền tải năng lượng, công nghệ để phát triển năng lượng nói chung và NLTT nói riêng. (ii) Hành lang pháp lý cho việc khai thác, sử dụng NLTT còn thiếu đồng bộ cũng như chưa đủ mạnh để thúc đẩy sự tham gia đầu tư của khu vực tư nhân. (iii) Giá bán NLTT vẫn còn quá thấp so với chi phí đầu tư, cụ thể: dự án điện gió, giá bán khoảng 7,8 cents/kwh (cao hơn so với năng lượng truyền thống) nhưng không đủ bù đắp chi phí (GIZ ESP, 2016).

4. Kết luận và gợi ý chính sách đối với Việt Nam trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào lĩnh vực năng lượng

Thu hút FDI trong lĩnh vực năng lượng, đặc biệt là NLTT, năng lượng sạch trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam là hết sức cần thiết, đặc biệt khi ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, qua

tình hình thực tế, có thể thấy số lượng và quy mô dự án trong lĩnh vực năng lượng chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của Việt Nam. Do đó, để thúc đẩy hoạt động của khu vực FDI trong phát triển năng lượng và để hiện thực hóa mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, xây dựng khung chính sách hoàn chỉnh cho phát triển năng lượng nói chung và NLTT nói riêng với mục tiêu đảm bảo một tương lai năng lượng bền vững, ít rủi ro và giá thành hợp lý. Thể chế hóa các quy định pháp luật thông qua việc xây dựng Luật năng lượng riêng nhằm huy động hiệu quả các nguồn lực phát triển năng lượng. Xây dựng các cơ chế hỗ trợ hiệu quả cho năng lượng và đảm bảo việc vận hành hiệu quả. Xác định thứ tự ưu tiên cho các loại năng lượng và NLTT. Bên cạnh đó, cần đảm bảo đầu tư hiệu quả cho từng dạng năng lượng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn khác nhau.

Thứ hai, tiếp tục ban hành hệ thống văn bản pháp quy tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư thông qua cơ chế một cửa đảm bảo các thủ tục liên ngành tương đối đồng bộ, thuận tiện; xây dựng tiêu chuẩn dự án năng lượng xanh để có cơ sở cấp vốn cho dự án đầu tư.

Thứ ba, có lộ trình rõ ràng và chính sách minh bạch hơn nữa về năng lượng xanh. Gần đây, một số doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực năng lượng xanh vì họ đã hiểu rõ hơn về lộ trình, hướng đi của lĩnh vực này tại Việt Nam. Năng lượng xanh là lĩnh vực đòi hỏi vốn tương đối lớn, vì vậy các tập đoàn lớn có những quy tắc đầu tư nghiêm ngặt. Để thu hút đầu tư, cần

ban hành quy hoạch tổng thể cũng như các chính sách minh bạch để các nhà đầu tư yên tâm thực hiện dự án.

Thứ tư, Nhà nước cần có phương án hỗ trợ tín dụng cho hoàn thiện cơ sở hạ tầng của các dự án NLTT, trong đó đẩy mạnh việc tiếp cận tín dụng xanh. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần hoàn thiện hướng dẫn và xây dựng cơ chế cho tín dụng xanh, ưu tiên giới hạn tăng trưởng tín dụng cho các ngân hàng cho vay đối với các dự án năng lượng xanh hằng năm; giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc hoặc tăng cho vay tái cấp vốn cho các tổ chức tín dụng có tỷ lệ dư nợ tín dụng NLTT cao.

Thứ năm, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa liên thông, có cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước khi thực hiện các thủ tục về đầu tư, quy hoạch, đất đai, xây dựng... để cắt giảm các chi phí hành chính và nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả đầu tư của khu vực tư nhân cũng như hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, cần đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian lập quy hoạch và bổ sung các dự án vào quy hoạch □

Tài liệu tham khảo

1. EVN (2017), *Boosting foreign direct investments in green energy area*.
2. GIZ ESP (2016), *Assessing the applicability of wind energy auction for Vietnam*.
3. Trần Thị Thu Hà (2023), “Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhằm phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo ở Việt Nam và một số đề xuất chính sách”, *Tạp chí Kinh tế tài chính Việt Nam*, số 1 (tháng 02/2023), tr. 57-71.
4. IEA (2022a), *World energy outlook 2022*, <https://www.iea.org/reports/world-energy-outlook-2022>
5. IEA (2022b), *World energy investment 2022*, OECD Publishing, <https://www.iea.org/reports/world-energy-investment-2022>
6. IRENA (2022), *Renewable energy and jobs: annual review 2022*, IRENA, Abu Dhabi, https://www.irena.org/publications/2022/Sep/Renewable-Energy-and-Jobs-Annual-Review-2022_on February 28, 2023.
7. Tổng cục Thống kê (2023), *Niên giám thống kê năm 2023*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
8. UNCTAD (2023), *World investment report 2023: investing in sustainable energy for all*, UNCTAD/WIR/2023, Sales No. E.23.II.D.17.
9. UNCTAD (2024), *World investment report 2024: investment facilitation and digital government*, UNCTAD/WIR/2024, Sales no. E.24.II.D.11.
10. World Bank (2018), *Maximizing finance for development in Vietnam's energy sector*, The World Bank Group, Washington, DC.